

Tổng hợp kiến thức: Số La Mã và Xem đồng hồ

I. Làm quen với số La Mã

Số La Mã là một hệ thống chữ số cổ, có nguồn gốc từ Roma cổ đại. Ở lớp 3, chúng ta sẽ làm quen với các số La Mã cơ bản trong phạm vi 20.

1. Các ký tự cơ bản cần nhớ

Để đọc và viết được số La Mã, các em cần ghi nhớ 3 ký tự cơ bản sau:

Ký tự La Mã	Giá trị (Số tự nhiên)
I	1
V	5
X	10

2. Quy tắc viết và đọc số La Mã (trong phạm vi 20)

Từ ba ký tự cơ bản I, V, X, chúng ta có thể ghép chúng lại theo các quy tắc sau để tạo thành các số từ 1 đến 20.

a. Quy tắc cộng: Thêm vào bên phải

Công thức: Khi các chữ số được viết lặp lại hoặc khi chữ số có giá trị nhỏ hơn được đặt bên phải chữ số có giá trị lớn hơn, ta cộng các giá trị lại.

- Các chữ số I, X có thể lặp lại 2 hoặc 3 lần liên tiếp.

- Chữ số V không lặp lại.

Ví dụ minh họa:

- **Ví dụ 1:** Số II có chữ số I (1) đứng sau chữ số I (1). Ta cộng giá trị: $1 + 1 = 2$. Vậy II là số 2.
- **Ví dụ 2:** Số VI có chữ số I (1) đứng bên phải chữ số V (5). Ta cộng giá trị: $5 + 1 = 6$. Vậy VI là số 6.
- **Ví dụ 3:** Số XII có chữ số I (1) và I (1) đứng bên phải chữ số X (10). Ta cộng giá trị: $10 + 1 + 1 = 12$. Vậy XII là số 12.

b. Quy tắc trừ: Thêm vào bên trái

Công thức: Khi chữ số I được đặt bên trái chữ số V hoặc X, ta lấy giá trị của số lớn hơn trừ đi giá trị của số nhỏ hơn (là 1).

Ví dụ minh họa:

- **Ví dụ 1:** Số IV có chữ số I (1) đứng bên trái chữ số V (5). Ta thực hiện phép trừ: $5 - 1 = 4$. Vậy IV là số 4.
- **Ví dụ 2:** Số IX có chữ số I (1) đứng bên trái chữ số X (10). Ta thực hiện phép trừ: $10 - 1 = 9$. Vậy IX là số 9.

3. Bảng số La Mã từ 1 đến 20

Dưới đây là bảng tổng hợp các số La Mã các em cần ghi nhớ:

Số tự nhiên	Số La Mã	Số tự nhiên	Số La Mã
1	I	11	XI
2	II	12	XII
3	III	13	XIII
4	IV	14	XIV
5	V	15	XV
6	VI	16	XVI
7	VII	17	XVII
8	VIII	18	XVIII
9	IX	19	XIX
10	X	20	XX

II. Xem đồng hồ - Chính xác đến từng phút

Học cách xem đồng hồ giúp chúng ta biết được thời gian, sắp xếp công việc và sinh hoạt hàng ngày một cách khoa học.

1. Cấu tạo của mặt đồng hồ kim

Một chiếc đồng hồ kim thông thường có các bộ phận sau:

- **Mặt đồng hồ:** Có các số từ 1 đến 12.
- **Kim giờ:** Là kim ngắn nhất, di chuyển chậm nhất, dùng để chỉ giờ.
- **Kim phút:** Là kim dài hơn kim giờ, di chuyển nhanh hơn kim giờ, dùng để chỉ phút.
- **Kim giây:** Là kim mỏng và dài nhất, di chuyển nhanh nhất, dùng để chỉ giây (một số đồng hồ không có kim giây).
- **Các vạch chia:** Giữa hai số liền kề có 5 vạch nhỏ, mỗi vạch tương ứng với 1 phút.

2. Cách xác định giờ và phút

a. Xác định giờ (Dựa vào kim ngắn)

Cách xác định: Kim giờ chỉ vào số nào hoặc vừa qua số nào thì đó là giờ đó.

- **Ví dụ 1:** Kim giờ chỉ đúng vào số 8, ta có 8 giờ.
- **Ví dụ 2:** Kim giờ đã đi qua số 10 một chút nhưng chưa đến số 11, ta vẫn đọc là 10 giờ.

b. Xác định phút (Dựa vào kim dài)

Cách xác định: Kim phút chỉ vào vạch nào thì ta có bấy nhiêu phút. Để đọc nhanh, ta có thể nhân số mà kim phút chỉ với 5.

Công thức tính nhanh: **Số phút = Số trên mặt đồng hồ mà kim phút chỉ vào x 5**

- **Ví dụ 1:** Kim phút chỉ đúng vào số 3. Ta lấy $3 \times 5 = 15$. Vậy là 15 phút.

- **Ví dụ 2:** Kim phút chỉ đúng vào số 6. Ta lấy $6 \times 5 = 30$. Vậy là 30 phút (hay còn gọi là giờ rưỡi).
- **Ví dụ 3:** Kim phút chỉ vào vạch nhỏ thứ hai sau số 7. Ta biết số 7 là $7 \times 5 = 35$ phút. Thêm 2 vạch nhỏ nữa là $35 + 2 = 37$ phút. Vậy là 37 phút.

3. Thực hành đọc giờ đầy đủ

Để đọc giờ đầy đủ, ta kết hợp cả giờ và phút.

Các bước đọc:

1. **Bước 1:** Xem kim giờ (kim ngắn) để xác định giờ.
2. **Bước 2:** Xem kim phút (kim dài) để xác định phút.
3. **Bước 3:** Ghép lại theo cấu trúc: **[Số giờ] giờ [Số phút] phút.**

Ví dụ minh họa:

- **Ví dụ 1:** Kim giờ chỉ qua số 2 một chút. Kim phút chỉ vào số 4.
 - Giờ: 2 giờ.
 - Phút: $4 \times 5 = 20$ phút.
 - Đọc là: **2 giờ 20 phút.**
- **Ví dụ 2:** Kim giờ ở giữa số 8 và số 9. Kim phút chỉ vào vạch nhỏ thứ ba sau số 9.
 - Giờ: 8 giờ.
 - Phút: Số 9 là $9 \times 5 = 45$ phút. Thêm 3 vạch nhỏ là $45 + 3 = 48$ phút.
 - Đọc là: **8 giờ 48 phút.**

4. Các cách đọc giờ khác: Giờ hơn và Giờ kém

Ngoài cách đọc thông thường, chúng ta còn có cách đọc giờ hơn và giờ kém.

a. Đọc giờ hơn

Khi nào dùng: Khi kim phút chưa vượt qua số 6 (từ phút thứ 1 đến phút thứ 30).

Công thức: [Số giờ] giờ [Số phút] phút. (Đây chính là cách đọc thông thường).

- **Ví dụ 1:** 7 giờ 15 phút.
- **Ví dụ 2:** 11 giờ 25 phút.

b. Đọc giờ kém

Khi nào dùng: Khi kim phút đã vượt qua số 6 (từ phút thứ 31 trở đi).

Cách hiểu: Ta sẽ tính xem còn bao nhiêu phút nữa thì đến giờ tiếp theo.

Công thức: [Giờ tiếp theo] giờ kém [60 - Số phút hiện tại] phút.

- **Ví dụ 1:** Đồng hồ chỉ 2 giờ 45 phút.
 - Giờ tiếp theo là 3 giờ.
 - Số phút còn lại để đến 3 giờ là: $60 - 45 = 15$ phút.
 - Đọc là: **3 giờ kém 15 phút.**
- **Ví dụ 2:** Đồng hồ chỉ 8 giờ 50 phút.
 - Giờ tiếp theo là 9 giờ.
 - Số phút còn lại để đến 9 giờ là: $60 - 50 = 10$ phút.

- Đọc là: **9 giờ kém 10 phút.**

5. Bảng đơn vị đo thời gian

Các em cần ghi nhớ các đơn vị đo thời gian cơ bản để làm bài tập:

Đơn vị lớn	Đơn vị nhỏ
1 giờ	60 phút
1 phút	60 giây
1 ngày	24 giờ